**Tiết 99 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(TRẠNG NGỮ, NGHĨA CỦA TỪ)**

**HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết trạng ngữ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV cho HS tham gia cuộc thi:

**Nhanh như chớp**

GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ khởi động trong 2 phút. Mỗi em được phát một tấm thẻ màu đỏ. GV đọc câu hỏi, ai có câu trả lời sẽ giơ thẻ, bạn nào nhanh nhất sẽ được gọi. Người chiến thắng là HS có câu trả lời chính xác, nhanh, rõ.

**Câu 1**: Xét về cấu tạo ngữ pháp của câu Tiếng Việt, câu có mấy thành phần chính? Kể tên?

**Câu 2**: Trạng ngữ là thành phần chính hay thành phần phụ của câu?

**Câu 3:** Trạng ngữ của câu: “Trên sân trường, các bạn đang nô đùa ầm ĩ” là: .....

**Câu 4:** Trạng ngữ trong câu văn trên nằm ở vị trí nào trong câu?

**Câu 5:** Trạng ngữ trong câu văn trên được dùng để nêu thêm thông tin về mặt.......cho sự việc được nói đến trong câu?

Dự kiến:

**Câu 1**: Xét về cấu tạo ngữ pháp của câu Tiếng Việt, câu có **hai** thành phần chính: **chủ ngữ và vị ngữ.**

**Câu 2**: Trạng ngữ là thành phần **phụ** của câu.

**Câu 3:** Trạng ngữ của câu: “*Trên sân trường, các bạn đang nô đùa ầm ĩ*.” là cụm từ **Trên sân trường.**

**Câu 4:** Trạng ngữ trong câu văn trên nằm ở vị trí **đầu** câu.

**Câu 5:** Trạng ngữ trong câu văn trên được dùng để nêu thêm thông tin về mặt **địa điểm** cho sự việc được nói đến trong câu.

(Phần thưởng là pháo tay)

**- GV kết nối**: GV nêu mục tiêu của tiết học và phạm vi kiến thức trong tiết học Xét về cấu tạo ngữ pháp của câu Tiếng Việt, câu có hai thành phần chính là chủ ngữ và vị ngữ. Tuy nhiên, bên cạnh hai thành phần chính là chủ ngữ và vị ngữ của câu, còn có một số thành phần phụ khác, như trạng ngữ chẳng hạn. Vậy thành phần trạng ngữ có chức năng và hình thức như thế nào? Tiết học hôm nay chúng ta sẽ củng cố và rèn kĩ năng nhận biết và tạo trạng ngữ cho câu.

**HOẠT ĐỘNG 2: I. Nhắc lại lí thuyết**

**a**. **Mục tiêu**: **TV- GQVĐ**

HS củng cố lại kiến thức về chức năng, hình thức của trạng ngữ trong câu

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm, kĩ thuật khăn trải bài, để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành 4,6 nhóm. Thực hiện phiếu học tập số 1: Kĩ thuật khăn trải bàn   1. Đọc các câu trong phiếu học tập, chỉ ra thành phần trạng ngữ trong mỗi câu. Xác định vị trí và chức năng của trạng ngữ trong từng câu? 2. Nhắc lại chức năng, vị trí, dấu hiệu nhận biết trạng ngữ trong câu.   **- Học sinh tiếp nhận và thực hiện**.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra ô cá nhân, rồi sau đó thống nhất viết vào ô chung sau đó cùng trao đổi với bạn trong nhóm  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **I. Nhắc lại lí thuyết về trạng ngữ**  **1. Ví dụ: Phiếu HT số 1**  **2. Kết luận:**  **a. Chức năng:**  **-** Trạng ngữ là thành phần phụ.  - Được dùng để nói rõ địa điểm, thời gian, nguyên nhân, điều kiện, trạng thái, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.  - Có khi được dùng để liên kết câu trong đoạn.  **b. Đặc điểm hình thức**: trạng ngữ có thể đứng ở:  - Đầu câu, cuối câu hay giữa câu.  - Phổ biến ở đầu câu  **- Tách khỏi** nòng cốt câu bằng một **quãng nghỉ** khi nói hay một **dấu phẩy** khi viết. |

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ví dụ | Trạng ngữ | Vị trí | Chức năng |
| *(1) Để trở thành học sinh giỏi, em cần phải không ngừng cố găng tự học.* | *....................*  *....................* | ..............  ............... | *....................*  *....................* |
| *(2) Nhiều người thường cãi nhau chỉ vì những bất đồng nhỏ.* | ........................  *....................* | ..............  .............. | *....................*  *....................* |
| *(3) Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt kên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng.* | *- ......................*  *- ....................*  *.......................* | ..............  .............  ............... | *....................*  *....................*  *....................*  *....................* |
| *(4) Rón rén, chị Dậu bưng một bát cháo lớn đến chỗ chồng nằm.* | ........................ | .............  ............... | *....................*  *....................* |

**Dự kiến câu trả lời:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ví dụ | Trạng ngữ | Vị trí | Chức năng |
| *(1) Để trở thành học sinh giỏi, em cần phải không ngừng cố găng tự học.* | *Để trở thành học sinh giỏi* | đầu câu | chỉ mục đích |
| *(2) Nhiều người thường cãi nhau chỉ vì những bất đồng nhỏ.* | *vì những bất đồng nhỏ* | cuối câu | chỉ nguyên nhân |
| *(3) Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt kên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng.* | *- Vì lẽ đó*  *- xưa nay* | Đầu câu | - chỉ nguyên nhân, liên kết với câu trước đó  - chỉ thời gian |
| *(4) Rón rén, chị Dậu bưng một bát cháo lớn đến chỗ chồng nằm.* | *Rón rén* | Đầu câu | - chỉ cách thức |

**HOẠT ĐỘNG 3: II. Thực hành**

**1. Trạng ngữ:**

**a**. **Mục tiêu**: - Thực hành các bài tập ở trong và ngoài VB ở SHS để nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng của trạng ngữ trong câu; nhận ra những câu có trạng ngữ và giá trị biểu đạt của chúng.

- Biết thêm trạng ngữ cho câu.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, nhóm qua trò chơi Ai nhanh hơn, hoàn thành bài tập vào các phiếu học tập số 1

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bài 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ) HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 1,trang 56, nêu yêu cầu của bài  **Phiếu học tập số 02** (GV phát cho từng HS)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Trạng ngữ | Chức năng | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  |   GV chiếu các ngữ liệu trong SHS để HS dễ theo dõi, thực hiện bài tập 1:  a. Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ, tôi dần dần hiểu ra rằng, thế giới này là muôn màu muôn vẻ, vô tận và hấp dẫn lạ lùng.  b. Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn.  c. Dù có ý định tốt đẹp, những người thân yêu của ta đôi lúc cũng không hẳn đúng khi ngăn cản, không để ta được sống với con người thực của mình  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, xác định 2 yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.   * Tìm trạng ngữ.   - Chức năng của trạng ngữ trong mỗi câu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **Bài 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ) HOẠT ĐỘNG NHÓM, KĨ THUẬT BỂ CÁ**  GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 1, trang 56, nêu yêu cầu của bài (GV chiếu đề bài)  a. Cùng với câu này, mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.  b. Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm.  c. Tuy vậy, trong thâm tâm, tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.  HS tiếp nhận nhiệm vụ: hoàn thành phiếu số 3.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, xác định 3 yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  Để làm được bài tập này HS cần xác đích được các bước làm thế nào.   * Tìm trạng ngữ. * So sánh câu có trạng ngữ và câu bị lược bỏ trạng ngữ.   - Suy nghĩ để nhận ra sự khác biệt: nhằm khẳng định giá trị biểu đạt của trạng ngữ trong câu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **Bài tập 1/tr 56:** Chỉ ra trạng ngữ trong các câu sau và cho biết chức năng của trạng ngữ ở từng câu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Trạng ngữ | Chức năng | | a | Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ | chỉ thời gian | | b | Giờ đây | chỉ thời gian | | c | Dù có ý định tốt đẹp | chỉ điều kiện |   **Bài tập 2/tr 56:** Thử lược bỏ trạng ngữ trong các câu sau và chỉ ra sự khác nhau về nội dung giữa câu có trạng ngữ với câu không còn trạng ngữ:  *Gợi ý:(như phiếu đáp án số 3)*  .  **Câu 3.**Thêm trạng ngữ cho các câu sau:  a. Hoa đã bắt đầu nở.  b. Bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước.  c. Mẹ rất lo lắng cho tôi.  *Gợi ý:*  a. Mùa xuân đến, hoa đã bắt đầu nở.  b. Chủ nhật, bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước.  c. Trời đã tối nên mẹ rất lo lắng cho tôi. |

**Phiếu học tập số 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trạng ngữ | Câu đã lược bỏ trạng ngữ | So sánh sự khác biệt nếu bỏ trạng ngữ |
| Câu a: |  |  |
| Câu b: |  |  |
| Câu c |  |  |

*(đáp án phiếu số 3)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu có trạng ngữ | Câu đã lược bỏ trạng ngữ | So sánh sự khác biệt nếu bỏ trạng ngữ |
| *a.* ***Cùng với câu này,*** *mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.* | *Mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.* | câu chỉ nêu chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể. |
| *b.* ***Trên đời****, mọi người giống nhau nhiều điều lắm.* | *Mọi người giống nhau nhiều điều lắm.* | Câu sẽ mất đi tính phổ quát- điều mà người viết muốn nhấn mạnh |
| *c. Tuy vậy****, trong thâm tâm,*** *tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.* | *Tuy vậy, tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.* | Câu sẽ không cho ta biết điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 3,trang 57, nêu yêu cầu của bài: Vận dụng kiến thức về trạng ngữ để thêm trạng ngữ cho câu.  KĨ THUẬT NGHĨ NHANH, ĐÁP TRÚNG  Phiếu số 4   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Trạng ngữ | Chức năng của trạng ngữ | | a. Hoa đã bắt đầu nở. |  |  | | b. Bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước. |  |  | | c. Mẹ rất lo lắng cho tôi. |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, để viết thêm trạng ngữ cho câu, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Gv chốt lại cách thêm trạng ngữ cho câu. Khen HS sáng tạo trong việc thêm trạng ngữ. Chú ý đáp án linh hoạt.  ***GV chốt lại các thao tác chung:***  -Tìm hiểu nghĩa của câu  - thêm trạng ngữ phù hợp về ngữ cảnh, chú ý vị trí, ý nghĩa của trạng ngữ mà em thêm (thêm thông tin gì cho câu: thời gian, địa điểm, mục đích,...) | **Bài 3/tr 57**  Thêm trạng ngữ cho các câu sau:  *Gợi ý:*  a.  – Đầu tháng Giêng**,** hoa đã bắt đầu nở.  TN: “Đầu tháng Giêng” chỉ thời gian.  - Trong công viên**,** hoa đã bắt đầu nở.  TN: “Trong công viên” chỉ thời gian  - Nhờ thời tiết ấm lên, hoa đã bắt đầu nở.  TN: “Nhờ thời tiết ấm lên” chỉ nguyên nhân.  b. **Chủ nhật,** bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước.  c. Vì thấy tôi hay ốm, mẹ rất lo lắng cho tôi. |

**2. Nghĩa của từ ngữ**

**a**. **Mục tiêu**:

- Nhận diện được thành ngữ, biết dựa vào câu để hiểu được nghĩa của thành ngữ. **Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, cặp đôi, hoàn thành bài tập .

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bài 4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS tìm yêu cầu của bài và cách thực hiện theo hình thức cá nhân:   * Yêu cầu: Nghĩa của thành ngữ: **chung sức chung lòng**, **mười phân vẹn mười**. trong các câu văn sau đây   - Dựa vào các gợi ý về nghĩa, em chọn đáp án nào cho phù hợp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HStìm hiểu nghĩa của thành ngữ dựa vào nội dung ý nghĩa câu văn để suy đoán.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **Bài 5: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ , thảo luận theo** CẶP ĐÔI  GV hướng dẫn HS tìm yêu cầu của bài và cách thực hiện.  - Mức độ khó hơn bài 4. Vì nghĩa thành ngữ không cho các gợi ý. Vậy em làm cách nào để giải đoán nghĩa của thành ngữ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HStìm hiểu nghĩa của thành ngữ  - Dựa vào từ ngữ xung quanh ở trong cùng câu văn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các cách đã học ở tiết trước về giải đoán nghĩa của từ. | **Bài tập 4/tr 57**  Thành ngữ trong các câu sau có những cách giải thích khác nhau. Theo em, cách giải thích nào hợp lí?  a. Đòi hỏi **chung sức chung lòng** không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người.  **Chung sức chung lòng** có nghĩa là:  - Đoàn kết, nhất trí  - Giúp đỡ lẫn nhau  - Quyết tâm cao độ.  *Đáp án:*  đoàn kết, nhất chí.  b. Mẹ muốn tôi giống người khác, thì “người khác” đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo, **mười phân vẹn mười**.  **Mười phân vẹn mười**có nghĩa là:  - Tài giỏi  - Toàn vẹn, không có khiếm khuyết  - Đẩy đủ, toàn diện.  *Đáp án:* Toàn vẹn, không có khiếm khuyết.  **Bài tập 5/tr 57**  Hãy xác định nghĩa của thành ngữ (in đậm) trong các câu sau:  a. Tôi đã hiểu ra, mỗi lần bảo tôi: “Xem người ta kìa!” là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không thua em kém chị .  Thành ngữ: **thua em kém chị** nghĩa là không được bằng em bằng chị, kém hơn với mọi người.  b. Kia, các bạn trong lớp tôi mỗi người một vẻ , sinh động biết bao.  Thành ngữ: **mỗi người một vẻ:** khác nhau, không ai giống ai.  c. Người ta thường nói học trò “ nghịch như quỷ ”, ai ngờ quỷ cũng là cả một thế giới, chẳng “quỷ” nào giống “quỷ” nào!  Thành ngữ: **nghịch như quỷ**: nghịch ngợm, hay bày trò |

Hướng dẫn học ở nhà: Nắm vững đặc điểm của văn nghị luận (phần tri thức ngữ văn); hiểu được VB *Xem người ta kìa!* Hoàn chỉnh đoạn văn về vấn đề: Ai cũng có cái riêng của mình.

- Chuẩn bị tiết: Thực hành tiếng Việt: làm đủ bài tập còn lại, đọc trước và dự kiến cho các bài tập trong SGK phần thực hành tiếng Việt trang 61: Lựa chọn trật tự từ.

- Chuẩn bị: đọc, tìm hiểu VB *Hai loại khác biệt*